

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/DS-PT

Ngày: 05/11/2019

V/việc: “Tranh chấp về
chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Hiếu

Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Hùng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp về chia tài sản chung”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2019/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Đăng T - sinh năm: 1958; địa chỉ: Số K115/28 đường L, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Đăng D - sinh năm: 1966; địa chỉ: Số 09 đường T, tổ 39, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị T - sinh năm: 1954; địa chỉ: Số 09 đường T, tổ 39, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Ông Lê Nguyên D - sinh năm: 1995; địa chỉ: Số 09 đường T, tổ 39, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

* Người kháng cáo: Ông Lê Đăng D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau.

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 21 tháng 6 năm 2018, các bản tự khai ngày 20 tháng 6 năm 2018 và ngày 19 tháng 9 năm 2018 nguyên đơn ông Lê Đăng T trình bày:

Tôi và ông Lê Đăng D là đồng chủ sở hữu đối với nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Số 09 đường T, tổ 39, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 114540 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/7/2017, trị giá tài sản là 2.000.000.000đ. Nguồn gốc ngôi nhà và đất nói trên là do vào năm 2001, mẹ của chúng tôi là bà Đặng Thị C đã lập di chúc giao nhà và đất cho hai anh em tôi để chúng tôi làm nơi thờ phụng. Di nguyện của mẹ tôi là tôi trực tiếp cất giữ toàn bộ giấy tờ nhà và thờ phụng tổ tiên vì tôi là con trai trưởng trong gia đình. Sau khi mẹ tôi mất, tôi và ông D đã làm thủ tục thừa kế theo quy định nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, tôi là người cất giữ giấy tờ. Ngoài tài sản là nhà và đất nêu trên, mẹ tôi không để lại bất cứ tài sản nào khác. Một thời gian sau, ông D nhiều lần yêu cầu tôi giao giấy tờ nhà cho ông giữ nhưng tôi không đồng ý vì trái với di nguyện của mẹ. Việc này đã dẫn đến mâu thuẫn gia đình, đỉnh điểm ông D từng đập phá bàn thờ, đưa di ảnh cha mẹ và vật dụng thờ cúng ra sân không cho tôi thờ phụng, hù dọa và yêu cầu tôi giao giấy tờ nhà nhưng tôi đều không đồng ý và đã nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp. Những người đang ở trong ngôi nhà hiện nay gồm: Ông Lê Đăng D, ông Lê Nguyên D, và bà Lê Thị T.

Với nguyện vọng muốn giữ gìn ngôi nhà này để làm nơi thờ phụng riêng nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của tôi và ông Lê Đăng D đối với ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại số: 09 đường T, tổ 39, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng, cụ thể phân chia như sau:

- Nếu chia bằng hiện vật, tôi có nguyện vọng được chia một nửa phía trước của ngôi nhà để thờ phụng (phần diện tích này nguyên thủy là chỗ thờ phụng, không có công trình vệ sinh), có diện tích đất khoảng 60m². Ông D ở một nửa phía sau của ngôi nhà đi ra kiệt đường N hoặc đường Đ có diện tích đất khoảng 55m².

- Trong trường hợp ông D không đồng ý phân chia tài sản chung bằng hiện vật như nêu trên thì tôi xin nhận toàn bộ ngôi nhà và đất để làm nơi thờ phụng và hoàn thối phần giá trị chênh lệch tài sản chung được nhận.

Đối với các vật dụng trong nhà, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2018, ông Lê Đăng T sửa đổi, bổ sung thêm đơn khởi kiện như sau: Tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đăng D phải thanh toán cho tôi tổng thể số tiền đã vay là 1.244.820.000đ (*một tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*). Tôi sẽ hoàn thối lại giá trị chênh lệch tài sản được nhận cho ông D và được khấu trừ vào khoản vay mà ông D phải trả cho tôi.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 6 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 21 tháng 6 năm 2018 bị đơn ông Lê Đăng D trình bày: Vào ngày 15/5/2015 khi mẹ tôi là bà Đặng Thị C chết đã để di sản gồm: Ngôi nhà và đất tại địa chỉ: Số 09 đường T cho tôi và ông T đứng tên sở hữu; số tài sản ông T hiện đang cất giữ gồm: tiền mặt, vàng, đô la Mỹ, nữ trang và tiền phúng điếu còn lại trị giá khoảng 400.000.000đ để các anh em trong gia đình sử dụng trong việc thờ phụng. Tôi thống nhất với lời trình bày của ông Tân là ngôi nhà để thờ phụng ông bà, tổ tiên theo di nguyện của mẹ tôi nhưng ông T không thực hiện đúng như di nguyện của mẹ tôi. Ông T thờ cúng sơ sài, không bàn bạc với tôi và tự ý trong việc thờ cúng, không công khai tài chính với anh em trong nhà dẫn đến bức xúc cho mọi người trong gia đình.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là nhà và đất nói trên thì tôi không đồng ý với cách phân chia của ông T. Tôi đề nghị sử dụng ngôi nhà và đất trên để làm nơi thờ phụng ông bà, tổ tiên. Đối với yêu cầu của ông T về việc tôi vay các khoản tiền với tổng số tiền 1.244.820.000đ (*một tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*) tôi không trình bày ở đây. Tôi đề nghị ông T khởi kiện tôi để đòi nợ trong vụ án khác, lúc đó tôi sẽ trả lời đối với từng khoản vay và tôi đã trả nợ hay chưa. Bây giờ, tôi chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc phân chia tài sản chung thôi.

Tại bản tự khai viết ngày 09 tháng 7 năm 2018 gửi đến Tòa án ngày 11 tháng 7 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T và ông Lê Nguyên D trình bày cùng một nội dung, cụ thể như sau: Căn nhà cấp 3 và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 156, tờ bản đồ số 14, diện tích 115,1m² tại địa chỉ: Số 09 đường T, tổ 39, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng là di sản của cụ Lê Văn Kh và cụ Đặng Thị C để lại cho ông T và ông D đứng tên đồng chủ sở hữu với mục đích làm nhà thờ để thờ phụng ông bà, tổ tiên, không ai được quyền mua bán, chuyển nhượng, chia cắt nhà đất. Nay ông T khởi kiện yêu cầu phân chia ngôi nhà và đất nêu trên thì tôi không đồng ý, vì mong muốn dùng ngôi nhà để thờ phụng, có nơi cho con cháu sum họp mỗi khi giỗ chạp.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 218 và khoản 1 Điều 219 của Bộ luật dân sự; Điều 12 và điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đăng T đối với ông Lê Đăng D về việc "*Tranh chấp phân chia tài sản chung*".

- Chia tài sản chung là ngôi nhà cấp 03 có tổng diện tích sử dụng 159,56m² được xây dựng trên thửa đất số 156, tờ bản đồ số 14, có diện tích 115,10m² tại số 09 đường T, tổ 39, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng (nhà và đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 114540 ngày 31 tháng 7 năm 2017 đứng tên ông Lê Đăng T và ông Lê Đăng D, tổng giá trị tài sản chung là 8.460.970.987 đồng) thành 02 phần nhà đất riêng biệt theo chiều ngang, cụ thể như sau:

+ Chia cho ông Lê Đăng T phần nhà đất (Khối nhà 1 thể hiện trong sơ đồ kèm theo) gồm: 01 phần ngôi nhà có tổng diện tích sử dụng 70,49m² (bao gồm: 01 phòng khách tại tầng 1, 01 phòng ngủ và 01 phòng thờ tại tầng 2) và sân, hàng rào, cổng ngõ được xây dựng trên phần đất có diện tích đất 67,65m². Phần nhà đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường T, phía Nam giáp phần nhà ông Lê Đăng D, phía Đông và phía Tây giáp nhà số 07 và nhà số 11 đường T. Tổng giá trị phần tài sản được chia là 4.945.936.976đ (*bốn tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng*), trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất là 4.857.120.831đ (*bốn tỷ tám trăm năm mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn tám trăm ba mươi mốt đồng*), giá trị phần nhà là 85.652.145đ (*tám mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng*), giá trị xây dựng sân, hàng rào cổng ngõ là 3.164.000đ (*ba triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

+ Chia cho ông Lê Đăng D phần nhà đất (Khối nhà 2 thể hiện trong sơ đồ kèm theo) gồm: 01 phần ngôi nhà có tổng diện tích sử dụng 89,07m² (bao gồm: Cầu thang bộ, 01 phòng khách và 01 phòng ngủ tại tầng 1, 02 phòng ngủ tại tầng 2 và các công trình phụ ở 2 tầng) được xây dựng trên phần đất có diện tích đất 47,45m². Phần nhà đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp phần nhà ông Lê Đăng T (các tường xây tại cầu thang bộ giáp ranh giữa hai nhà thuộc quyền sở hữu của ông D), phía Nam giáp Kiệt số 278 đường N, phía Đông và phía Tây giáp nhà số 07 và nhà số 11 đường T. Tổng giá trị phần tài sản được chia là 3.515.034.008đ (*ba tỷ năm trăm mười lăm triệu không trăm ba mươi bốn nghìn không trăm lẻ tám đồng*), trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất

là 3.406.805.372đ (ba tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng), giá trị phần nhà là 108.228.636đ (một trăm lẻ tám triệu hai trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

+ Ông Lê Đăng T có nghĩa vụ hoàn thời lại cho ông Lê Đăng D giá trị tài sản chênh lệch được nhận là 715.451.500đ (bảy trăm mười lăm triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

+ Ông T và ông D có nghĩa vụ phân chia tài sản chung theo ranh giới nêu trên, tự chịu kinh phí sửa chữa và cải tạo phần nhà được chia, liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai (bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 114540 ngày 31 tháng 7 năm 2017 hiện do ông Lê Đăng T đang cất giữ).

2. Bà Lê Thị T và anh Lê Nguyên D được tiếp tục lưu trú tại ngôi nhà số 09 đường T, tổ 39, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Ông Lê Đăng D phải chịu 112.230.500đ (một trăm mười hai triệu hai trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Đăng T được miễn nộp 112.230.500đ (một trăm mười hai triệu hai trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Lê Đăng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003789 ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí thẩm định giá tài sản: Ông Lê Đăng D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lê Đăng T tiền chi phí thẩm định giá tài sản là 11.630.000đ (mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, ông Lê Đăng D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông Lê Đăng D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích cho ông.

Cũng trong thời hạn luật định, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung kháng cáo: Nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Số 09 đường T, tổ 39, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 114540 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/7/2017 đứng tên ông Lê Đăng T và ông Lê Đăng D.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, ông Lê Đăng T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung giữa ông và ông Lê Đăng D.

Với nội dung trên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Lê Đăng T. Do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Lê Đăng D đã kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Lê Đăng T; ông Lê Đăng D và bà Lê Thị T tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản chung như sau:

[2.1] Ông Lê Đăng T được sở hữu nhà và sử dụng đất tại địa chỉ: Số 09 đường T, tổ 39 phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 114540 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/7/2017 đứng tên ông Lê Đăng T và ông Lê Đăng D.

Ông Lê Đăng T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.2] Ông Lê Đăng T có nghĩa vụ trích trả phần chênh lệch về tài sản cho ông Lê Đăng D số tiền 4.230.485.494đ. *(Bốn tỷ hai trăm ba mươi triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng)* vào ngày 06 tháng 3 năm 2020.

[2.3] Ông Lê Đăng T hỗ trợ cho bà Lê Thị T số tiền 200.000.000 đồng và ông Lê Đăng D hỗ trợ cho bà Lê Thị T số tiền 600.000.000 đồng để bà T tạo lập nơi ở mới vào ngày 06 tháng 3 năm 2020.

Xét sự thỏa thuận giải ông T, ông D và bà T là tự nguyện và không trái pháp luật, mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Nguyên D vắng mặt nhưng sự thỏa thuận nêu trên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Nguyên D nên căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng rút quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Đăng T và ông Lê Đăng D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, do ông T là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12; điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tân.

[4.2] Ông Lê Đăng D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng:

[5.1] Chi phí thẩm định giá là 23.260.000 đồng ông T đã nộp và đã chi xong nên ông D có nghĩa vụ trả lại cho ông T số tiền chi phí thẩm định giá là 11.630.000đ. *(Mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).*

[5.2] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000đ ông Lê Đăng T tự nguyện chịu. (Đã nộp và chi xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 218 và khoản 1 Điều 219 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12; điều 26; điểm b khoản 2 Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Đăng T, ông Lê Đăng D và bà Lê Thị T.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Ông Lê Đăng T được sở hữu nhà và sử dụng đất tại địa chỉ: số 09 đường T, tổ 39 phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 114540 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/7/2017 đứng tên ông Lê Đăng T và ông Lê Đăng D.

Ông Lê Đăng T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho mình theo quy định của pháp luật.

4. Ông Lê Đăng T có nghĩa vụ trích trả phần chênh lệch về tài sản cho ông Lê Đăng D số tiền 4.230.485.494đ. (*Bốn tỷ hai trăm ba mươi triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng*) vào ngày 06/3/2020.

5. Ông Lê Đăng T hỗ trợ cho bà Lê Thị T số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và ông Lê Đăng D hỗ trợ cho bà Lê Thị T số tiền 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) để bà T tạo lập nơi ở mới vào ngày 06/3/2020.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Đăng T. Hoàn trả cho ông Lê Đăng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 003789 ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Đăng D phải chịu là 112.230.500 đồng. (*Một trăm mười hai triệu hai trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng*)

7. Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng ông Lê Đăng D phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Lê Đăng D đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 004973 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Đăng D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

8. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Đăng D có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Đăng T số tiền chi phí thẩm định giá là 11.630.000đ. (*Mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*).

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng ông Lê Đăng T tự nguyện chịu. (Đã nộp và chi xong).

9. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu tổ nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Việt Dũng